

Thứ ba, ngày 26 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Hồi phục nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/11/2019		●	
Tuần 25/11-29/11/2019		●	
Tháng 11/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau ba phiên giảm điểm liên tiếp, trong phiên sáng, VN-Index đã có sự hồi phục nhờ lực kéo từ các mã trụ cột thị trường như VHM, VNM, BID, VRE, SAB. Trong phiên chiều, chỉ số vận động có phần tích cực hơn, nhưng trước áp lực bán gia tăng vào phiên ATC, đã tăng bị thu hẹp lại. Thị trường tăng điểm nhẹ đồng pha với tình hình tích cực của các TTCK chủ chốt khác trong khu vực. Tuy vậy, điểm trừ vẫn đến từ việc khối ngoại quay đầu bán ròng trên cả HSX và HNX. **Bên cạnh đó, Luật Chứng khoán sửa đổi được thông qua trong phiên họp Quốc hội hôm nay được kỳ vọng sẽ hỗ trợ sự ổn định về thể chế và pháp lý của thị trường cũng như khả năng được nâng hạng.** Theo đó, một số vấn đề được sửa đổi liên quan đến công ty đại chúng, chào bán chứng khoán cũng như cơ cấu tổ chức của thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/11/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ. DPM tiếp tục điều chỉnh giảm xuống dưới ngưỡng 13. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu giảm bởi các chỉ báo kỹ thuật. Điều chỉnh giảm của DPM có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Lãi suất giảm_1.1%. 16/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Lãi suất giảm** - bao gồm các cổ phiếu có khả năng hưởng lợi khi xảy ra kịch bản lãi suất trên thị trường giảm xuống - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.1%**, con số này của VNINDEX là 0.0%.

Phân tích kỹ thuật: HDG_Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Cập nhật iBroker: DHG, FPT, VTP, VNM, SAB.

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.44 điểm**, đóng cửa 976.79. HNX-Index **+0.53 điểm**, đóng cửa 103.99.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.36); HPG (+0.33); VCB (+0.22); VRE (+0.21); MWG (+0.19).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.78); GAS (-0.61); SAB (-0.56); NVL (-0.19); BVH (-0.14).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,326 tỷ đồng**, **+7.94%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.17 điểm. Thị trường có 191 mã tăng, 68 mã tham chiếu và 123 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **196.76 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (37.31 tỷ), SSI (22.63 tỷ) và VIC (16.93 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **8.28 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

976.79

Giá trị: 3326.44 tỷ

0.44 (0.05%)

Khối ngoại (ròng): -196.76 tỷ

HNX-INDEX

103.99

Giá trị: 197.23 tỷ

0.53 (0.51%)

Khối ngoại (ròng): -8.28 tỷ

UPCOM-INDEX

55.97

Giá trị: 139.43 tỷ

-0.08 (-0.14%)

Khối ngoại(ròng): 3.15 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.0	0.05%
Giá vàng	1,458	0.16%
Tỷ giá USD/VND	23,193	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,768	0.88%
Tỷ giá JPY/VND	21,297	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	4.2%	15.53%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	16.6	VCB	37.2
VNM	10.2	SSI	23.6
HPG	4.6	VIC	16.9
PLX	3.8	STB	15.7
KBC	2.9	KDH	15.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **16/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Lãi suất giảm** - bao gồm các cổ phiếu có khả năng hưởng lợi khi xảy ra kịch bản lãi suất trên thị trường giảm xuống - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.1%**, con số này của VNINDEX là 0.0%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:
- **16/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Lãi suất giảm_1.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Lãi suất giảm	1.1%	-1.0%	-5.0%	-2.5%	-3.2%	-1.4%	48.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.0%	-2.5%	-3.1%	4.8%	19.1%	28.9%	127.2%
Xây dựng	0.7%	-4.0%	-7.4%	-7.4%	-11.5%	-11.2%	20.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.7%	-3.1%	-4.9%	0.9%	11.3%	11.3%	74.3%
Ngân hàng	0.6%	-3.3%	-2.1%	6.1%	15.1%	12.9%	87.3%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	-1.9%	-3.0%	2.8%	3.1%	6.5%	5.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.5%	-2.6%	-2.6%	1.7%	9.3%	15.1%	88.2%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.5%	-3.5%	-5.4%	-0.4%	-4.4%	-6.0%	-6.9%
BĐS & Khu công nghiệp	0.5%	-2.0%	-0.9%	-1.0%	3.5%	7.9%	60.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.5%	1.6%	-0.8%	-2.0%	18.7%	49.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.4%	-3.6%	-2.8%	4.2%	6.6%	2.9%	42.5%
Hàng tiêu dùng	0.4%	-3.4%	-6.6%	-1.8%	3.0%	6.0%	59.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	-3.3%	-4.6%	-0.5%	4.3%	5.3%	67.7%
Nước & Năng lượng	0.1%	-2.4%	-0.7%	-0.6%	-3.2%	11.1%	50.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.0%	-1.6%	-0.9%	0.0%	-7.3%	-10.1%	49.4%
FTSE Việt Nam	0.0%	-2.2%	-1.2%	1.4%	2.5%	11.6%	85.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	-2.6%	-1.7%	-0.1%	-0.7%	7.1%	77.7%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	-1.1%	-3.2%	-5.5%	-2.6%	3.3%	17.1%
Dầu khí	-0.2%	-4.0%	-0.6%	-2.5%	-5.4%	2.0%	20.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 5	1.0%	-1.7%	-1.8%	0.2%	2.2%	18.5%	74.6%
Danh mục 16	0.8%	-2.7%	-4.8%	2.7%	12.9%	19.3%	69.9%
Danh mục 14	0.8%	-3.1%	-3.9%	2.3%	8.2%	5.9%	50.0%
Danh mục 10	-0.2%	-3.0%	-5.4%	-4.6%	-0.1%	4.2%	47.6%
Danh mục 18	-0.3%	-2.5%	-1.4%	0.5%	-2.9%	2.9%	122.2%
* Note	16/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 21	0.6%	-2.5%	-2.8%	3.8%	10.7%	15.7%	66.5%
Danh mục 20	0.6%	-1.2%	-2.0%	2.7%	11.9%	17.0%	58.2%
Danh mục 19	0.5%	-1.0%	-2.4%	4.6%	13.3%	23.5%	61.9%
Danh mục 23	0.0%	-2.9%	-3.3%	-1.7%	2.6%	30.3%	114.5%
Danh mục 24	0.0%	-4.3%	-5.8%	-1.5%	8.1%	30.1%	95.6%
* Note	6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

INDEX							
VNINDEX	0.0%	-3.1%	-2.0%	0.0%	1.8%	5.9%	44.9%
VN30INDEX	0.3%	-3.1%	-3.1%	1.3%	2.4%	0.0%	40.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

BSC RESEARCH

11/26/2019

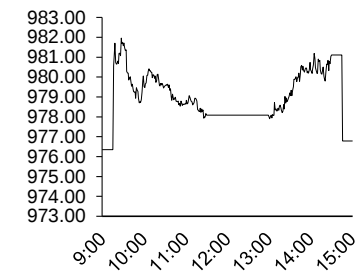
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

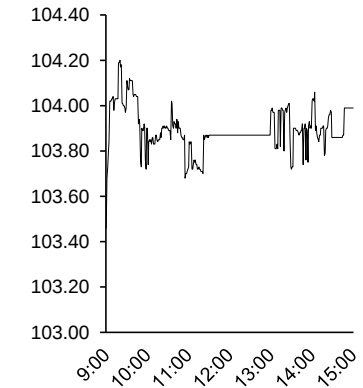
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	1.4%
Bán lẻ	1.0%
Ô tô và phụ tùng	0.8%
Y tế	0.7%
Công nghệ Thông tin	0.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.5%
Ngân hàng	0.5%
Xây dựng và Vật liệu	0.5%
Du lịch và Giải trí	0.4%
Dầu khí	0.3%
Dịch vụ tài chính	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Viễn thông	0.0%
Bất động sản	-0.2%
Thực phẩm và đồ uống	-0.3%
Truyền thông	-0.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.6%
Bảo hiểm	-0.7%
Hóa chất	-1.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

HDG_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: thoát khỏi vùng quá bán.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: HDG vẫn đang trong quá trình vận động tích lũy trong khu vực 33-37 suốt hơn 4 tháng nay. Sau phiên giảm điểm hôm qua khiến giá cổ phiếu chạm ngưỡng hỗ trợ 33, hôm nay đã xuất hiện lực cầu bắt đáy giúp thanh khoản tăng mạnh đẩy HDG tăng hơn 3%. Chỉ báo động lượng RSI cũng đã thoát khỏi vùng quá bán. Tuy vậy, các chỉ báo xu hướng vẫn đang ở trong trạng thái tiêu cực. Trong trường hợp tích cực, đợt hồi phục này sẽ đưa HDG trở lại chinh phục ngưỡng kháng cự 37. Ngược lại, nếu cổ phiếu dễ dàng mốc 33, mô hình hai đỉnh sẽ được xác lập và xu hướng giảm có thể duy trì đến khi HDG chạm vùng giá xung quanh 30.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

Kết quả kinh doanh 1H2019: Doanh thu 1,846 tỷ (gấp 2.8 lần cùng kỳ), trong đó: bất động sản 1,199 tỷ doanh thu (cùng kỳ: 11.9 tỷ); năng lượng 310.8 tỷ doanh thu (+92% YoY); cho thuê khách sạn, văn phòng, và dịch vụ quản lý: 151 tỷ doanh thu (+23.4% YoY); xây lắp 188 tỷ (-47% YoY). Lợi nhuận sau thuế đạt 503 tỷ (gấp 6.4 lần cùng kỳ), tương đương hoàn thành 63.5% kế hoạch năm.

Mảng bất động sản: 1H2019 ghi nhận 1,199 tỷ doanh thu trong đó (1) 71 tỷ từ 9 căn shophouse và 4 căn liền kề tại dự án Hado Riverside Quận 12; (2) 741 tỷ từ 215 căn hộ Orchid. Dự kiến trong 2H2019 ghi nhận 1,821 tỷ từ dự án Centrosa (510 căn Jasmine).

Mảng năng lượng: 1H2019: ghi nhận 307 tỷ doanh thu do có đóng góp của thủy điện Nhận Hạc (đi vào hoạt động từ Q3/2018) với 155.6 tỷ doanh thu. Doanh thu từ Nậm Pông và Za Hưng ước đạt 139.5 tỷ (-13% YoY), từ điện mặt trời Hồng Phong 4.1 là 15.7 tỷ (bắt đầu vận hành thương mại từ 4/6/2019), sản lượng phát điện trong tháng 6 và tháng 7 lần lượt là 7.28 và 7.7 triệu kWh. 2H2019: dự kiến ghi nhận 300 tỷ doanh thu trong 2H2019, LNTT 229.6 tỷ đồng.

Tình hình tài chính và kế hoạch huy động: (1) Phát hành thành công 450 tỷ trái phiếu trơn trong Q2/2019 nâng. (2) Phát hành TP kèm chứng quyền 500 tỷ, giá mua chuyển đổi tối thiểu là 44,000 đồng.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express HDG 2019Q3.

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 26/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 26/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	57.93	-0.03%	1.78%	1.97%	12.19%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	63.60	-0.01%	2.08%	2.40%	5.16%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.67	-0.10%	3.18%	0.05%	16.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1452.67	-0.53%	-1.29%	-2.66%	18.85%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.87	-0.56%	-0.95%	-5.49%	18.60%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	891.45	-0.50%	-2.04%	-3.18%	3.39%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	529.19	2.46%	4.12%	3.41%	4.27%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.34	-0.10%	0.15%	8.94%	40.47%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	172.00	-0.29%	6.04%	14.59%	25.46%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.82	-0.08%	0.47%	2.23%	2.72%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.28	0.00%	-2.38%	3.47%	13.10%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	117.80	2.79%	11.61%	17.21%	10.09%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.64	0.19%	0.91%	-1.15%	-4.23%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3900.00	1.80%	6.91%	11.84%	6.38%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1739.00	0.29%	-0.91%	0.52%	-10.89%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	84.50	0.00%	3.68%	-1.17%	33.07%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	71.85	-1.60%	1.37%	1.81%	-26.68%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent tăng 26 US cent tương đương 0.4% lên 63.65 USD/thùng. Giá dầu WTI tăng 24 US cent tương đương 0.4% lên 58.01 USD/thùng.
- Giá dầu tăng do những bình luận tích cực từ Mỹ và Trung Quốc, làm dấy lên kỳ vọng 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới có thể sớm ký 1 thỏa thuận tạm thời nhằm chấm dứt chiến tranh thương mại.
- Ngoài ra giá dầu được hỗ trợ bởi thị trường chứng khoán tăng mạnh khi các chỉ số S&P 500 và Nasdaq tăng lên mức cao kỷ lục mới.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay giảm 0.4% xuống 1,455.87 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 tại Mỹ giảm 0.5% xuống 1,456.9 USD/ounce.
- Giá vàng giảm phiên thứ 4 liên tiếp xuống mức thấp nhất 2 tuần, do gia tăng lạc quan về việc giải quyết xung đột thương mại kéo dài giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ sớm được giải quyết, khiến các nhà đầu tư quay lưng lại với vàng.

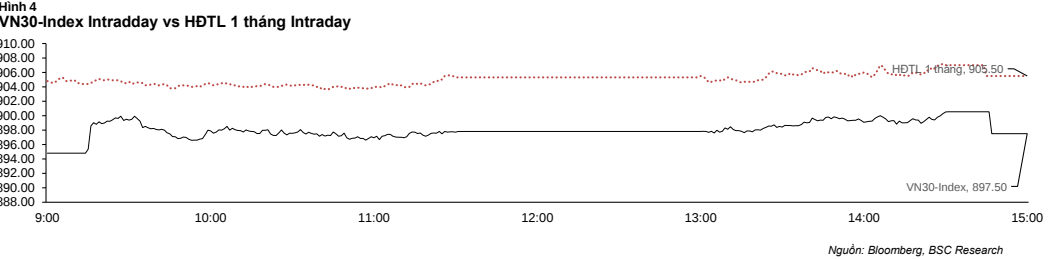
Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 0.6 JPY (0.0055 USD) lên 187.6 JPY/kg. Tại Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 105 CNY (14.92 USD) lên 12,800 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo tăng theo xu hướng giá cao su kỳ hạn trên sàn Thượng Hải.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica trên sàn ICE giao tháng 3/2020 tăng 1.15 US cent tương đương 1% lên 1.168 USD/lb, trong phiên có lúc đạt 1.1735 USD/lb, cao nhất 1 năm. Giá cà phê Robusta trên sàn London giao tháng 1/2020 tăng 14 USD tương đương 1% lên 1,416 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.01 US cent tương đương 0.1% xuống 12.82 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn London tăng 2.2 USD tương đương 0.65% lên 342.1 USD/tấn.
- Giá cà phê tăng lên mức cao nhất 1 năm do nguồn cung thắt chặt, trong khi giá đường giảm.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	905.50	0.29%	8.00	-39.8%	57442	12/19/2019	25
VN30F2001	906.10	0.34%	8.60	-53.8%	242	1/16/2020	53
VN30F2003	909.10	0.23%	11.60	-73.3%	16	3/19/2020	116
VN30F2006	913.80	0.55%	16.30	-45.0%	71	6/18/2020	207

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng + 2.70 điểm lên mức 897.50 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, MWG, VPB, TCB, và MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 vận động tích lũy quanh 897-898 điểm, sau khi tăng mạnh vào đầu phiên. Sang phiên chiều, VN30 vận động tăng tích cực trước khi điều chỉnh giảm trong phiên ATC. Thanh khoản tăng nhẹ, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh 895 điểm.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMWG1906	MBS	12/16/2019	20	5:1	91,540	36.7%	3.0 triệu	21.19%	2,850	520	20.93%	62.40	8.33
CVNM1901	KIS	12/13/2020	383	10:1	943,340	-5.1%	5.0 triệu	17.96%	1,200	60	20.00%	-	
CHPG1905	SSI	12/30/2019	34	1:1	204,770	273.5%	1.0 triệu	25.47%	3,300	900	16.88%	547.20	1.64
CMWG1902	VND	12/11/2019	15	4:1	17,840	-97.0%	2.4 triệu	21.19%	2,990	5,750	15.00%	5,918.90	0.97
CMWG1903	HSC	12/30/2019	34	5:1	44,230	-59.1%	2.0 triệu	21.19%	2,700	4,000	9.89%	3,774.50	1.06
CHPG1908	MBS	1/22/2020	57	2:1	235,240	262.1%	2.0 triệu	25.47%	1,450	1,670	8.44%	1,230.20	1.36
CFPT1905	SSI	4/22/2020	148	1:1	30,600	-40.7%	1.0 triệu	20.46%	9,900	7,960	7.13%	4,727.20	1.68
CMWG1907	HSC	4/8/2020	134	10:1	172,260	25.3%	5.0 triệu	21.19%	1,900	1,080	5.88%	248.90	4.34
CMBB1904	SSI	1/22/2020	57	1:1	40,970	4609.2%	2.0 triệu	16.03%	2,900	2,720	4.62%	1,059.30	2.57
CFPT1903	SSI	12/30/2019	34	1:1	24,280	-32.8%	2.0 triệu	20.46%	6,000	12,580	4.14%	12,164.30	1.03
CVNM1903	SSI	4/22/2020	148	1:1	11,110	-1.4%	1.0 triệu	17.96%	26,600	20,750	3.75%	8,532.60	2.43
CMBB1903	SSI	4/22/2020	148	1:1	29,550	-22.5%	3.0 triệu	16.03%	4,000	3,340	3.73%	1,534.20	2.18
CMWG1904	SSI	12/30/2019	34	1:1	28,760	-0.5%	1.0 triệu	21.19%	14,000	24,100	3.26%	23,897.50	1.01
CMBB1905	HSC	4/8/2020	134	2:1	336,570	3.6%	5.0 triệu	16.03%	1,700	1,410	2.17%	450.20	3.13
CVJC1902	SSI	4/22/2020	148	1:1	17,350	73.5%	1.0 triệu	14.40%	27,900	27,340	1.64%	16,377.80	1.67
CFPT1906	HSC	4/8/2020	134	5:1	125,250	80.6%	5.0 triệu	20.46%	1,700	1,510	1.34%	674.30	2.24
CVHM1902	SSI	4/22/2020	148	1:1	37,500	207.1%	1.0 triệu	23.28%	18,600	18,120	1.00%	11,608.90	1.56
CVRE1902	HSC	4/8/2020	134	4:1	74,630	-14.2%	5.0 triệu	23.72%	1,300	1,440	0.00%	791.30	1.82
CVIC1902	SSI	4/22/2020	148	1:1	13,500	8.9%	1.0 triệu	17.32%	22,700	17,320	-1.48%	6,300.80	2.75
CSTB1901	KIS	1/9/2020	44	1:1	179,390	22.2%	1.5 triệu	19.16%	1,390	750	-2.60%	61.60	12.18
CREE1903	SSI	4/22/2020	148	1:1	21,210	112.1%	1.0 triệu	23.15%	7,600	5,660	-5.82%	2,755.80	2.05
CDPM1901	KIS	1/9/2020	44	1:1	249,810	2074.2%	1.5 triệu	27.12%	1,900	970	-5.83%	130.40	7.44
Tổng:					2,929,700		43.40 triệu	20.47%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/11/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- Về giá, CMWG1906 và CVNM1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 20.93% và 20.00%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ 2.89%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 23.72% thị trường.

Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, REE và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. DPM tiếp tục điều chỉnh giảm xuống dưới ngưỡng 13. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu giảm bởi các chỉ báo kỹ thuật. Điều chỉnh giảm của DPM có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	22.65	1.80	0.92
MWG	113.50	1.34	0.60
VPB	20.45	1.24	0.58
MBB	22.65	1.12	0.47
TCB	23.45	0.64	0.47

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	115.2	-0.69	-0.50
NVL	56.5	-1.22	-0.36
SAB	230.0	-1.29	-0.29
GAS	102.0	-1.07	-0.15
EIB	17.3	-0.58	-0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1906	135,150	120,900	113,500
CVNM1901	46,340	156,285	123,000
CHPG1905	93,300	23,100	22,650
CMWG1902	48,130	90,000	113,500
CMWG1903	25,800	95,000	113,500
CHPG1908	23,400	20,500	22,650
CFPT1905	64,900	55,000	57,100
CMWG1907	144,000	125,000	113,500
CMBB1904	24,900	22,000	22,650
CFPT1903	51,140	45,140	57,100
CVNM1903	146,600	120,000	123,000
CMBB1903	26,000	22,000	22,650
CMWG1904	165,000	90,000	113,500
CMBB1905	26,400	23,000	22,650
CVJC1902	157,900	130,000	143,300
CFPT1906	65,500	57,000	57,100
CVHM1902	103,600	85,000	93,300
CVRE1902	37,700	32,500	34,100
CVIC1902	137,700	115,000	115,200
CSTB1901	12,278	10,888	10,150
CREE1903	43,600	36,000	36,500
CDPM1901	15,888	13,988	12,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.5	1.3%	0.7	2,185	2.9	8,321	13.6	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	83.3	0.5%	0.9	806	0.9	4,839	17.2	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	71.4	-1.0%	1.3	2,176	0.4	1,889	37.8	3.2	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.9	0.3%	0.7	321	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.2	-0.7%	1.0	16,759	5.2	1,589	72.5	4.9	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.1	0.9%	1.1	3,453	7.4	1,033	33.0	2.8	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.5	-1.2%	0.8	2,286	1.0	3,187	17.7	2.6	7.3%	15.5%
REE	Bất động sản	36.5	0.6%	1.0	492	0.6	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.2	-0.4%	1.4	324	2.0	3,215	4.4	0.9	45.9%	25.9%
SSI	Chứng khoán	20.0	-1.2%	1.4	442	1.5	1,769	11.3	1.1	56.3%	9.4%
VCI	Chứng khoán	33.1	0.0%	1.0	237	0.2	5,067	6.5	1.5	37.9%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.0	0.8%	1.4	319	0.6	1,287	18.6	1.7	57.7%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.1	0.9%	0.9	1,684	2.4	4,688	12.2	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	2.2%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.0	-1.1%	1.6	8,488	1.1	5,886	17.3	4.3	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.2	0.3%	1.5	3,065	0.5	3,467	17.1	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.8	0.6%	1.7	370	0.9	2,062	8.6	0.7	22.2%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.6	0.0%	0.8	1,294	0.5	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.5	1.3%	0.5	537	0.1	4,535	20.8	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.8	-3.4%	0.7	218	0.4	650	19.7	0.6	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.9	0.3%	0.6	158	0.0	625	11.0	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	84.7	0.2%	1.3	13,658	2.7	5,274	16.1	3.9	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.0	0.8%	1.6	6,995	0.7	2,109	19.0	2.4	21.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.2	0.2%	1.6	3,432	2.0	1,641	12.9	1.1	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.5	1.2%	1.2	2,140	1.3	3,341	6.1	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.7	1.1%	1.1	2,290	2.9	3,261	6.9	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.6	0.9%	1.1	1,700	0.6	3,585	6.6	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	52.5	0.2%	0.8	187	0.1	5,073	10.3	1.7	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.8	0.0%	0.3	136	0.0	4,603	6.9	1.2	18.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.8	0.0%	1.3	637	0.0	732	20.2	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.7	1.8%	1.0	2,719	5.4	2,526	9.0	1.4	37.6%	17.4%
HSG	Thép	7.6	0.9%	1.6	139	1.2	890	8.5	0.6	17.2%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	123.0	0.1%	0.7	9,313	5.2	5,527	22.3	7.9	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	230.0	-1.3%	0.8	6,413	0.9	7,365	31.2	8.2	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	71.5	0.0%	1.2	3,634	1.8	4,512	15.8	2.5	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.5	1.6%	0.6	472	1.1	440	42.1	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	75.5	0.1%	0.8	7,146	0.0	2,630	28.7	5.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.3	0.2%	1.1	3,264	2.8	9,850	14.5	5.5	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	33.9	0.9%	1.7	2,090	0.3	1,747	19.4	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	24.2	0.8%	0.8	312	0.2	1,949	12.4	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.2	-0.3%	0.6	210	0.3	2,571	6.7	1.2	32.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	84.5	1.4%	0.9	588	0.4	8,338	10.1	4.3	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	0.0%	0.7	361	0.2	1,398	13.2	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	-0.3%	0.8	239	0.1	1,912	7.5	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	66.7	0.0%	0.8	221	0.1	9,842	6.8	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.2	-0.4%	1.1	522	0.1	1,557	17.5	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.7	-1.5%	0.4	255	0.2	1,845	12.8	1.1	51.3%	8.8%
POW	Điện	13.4	0.8%	0.6	1,364	1.1	820	16.3	1.3	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.8	0.0%	0.6	285	0.2	2,721	8.4	1.6	19.1%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	22.65	1.80	0.33	5.49MLN
BID	40.00	0.76	0.30	406540.00
VCB	84.70	0.24	0.22	727130.00
VRE	34.10	0.89	0.21	5.00MLN
MWG	113.50	1.34	0.20	587670.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.60	0.85	0.33	577100.00
MBG	45.10	8.94	0.07	630300.00
VCS	84.50	1.44	0.04	108100.00
PVS	17.80	0.56	0.03	1.21MLN
CTX	12.20	9.91	0.02	14200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	115.20	-0.69	-0.79	1.03MLN
GAS	102.00	-1.07	-0.62	252670.00
SAB	230.00	-1.29	-0.57	92480.00
NVL	56.50	-1.22	-0.19	407780.00
BVH	71.40	-0.97	-0.14	121720.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	9.00	-1.10	-0.04	1.22MLN
KLF	1.20	-7.69	-0.02	294100.00
PTI	15.00	-3.23	-0.01	700.00
VCG	27.20	-0.37	-0.01	44900.00
ICG	7.40	-7.50	-0.01	3000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	3.21	7.00	0.00	10.00
YBM	4.30	6.97	0.00	5970.00
HVG	8.15	6.96	0.04	5.12MLN
SVI	64.60	6.95	0.02	250.00
NVT	7.45	6.89	0.01	5900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VE3	6.60	10.0	0.00	100.00
CTX	12.20	9.9	0.02	14200.00
LBE	43.00	9.7	0.00	200.00
VTJ	8.00	9.6	0.01	400.00
NAG	4.60	9.5	0.00	6100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AAM	11.35	-6.97	0.00	12750.00
RDP	7.35	-6.96	-0.01	390.00
TTB	9.09	-6.96	-0.01	108630.00
RIC	5.66	-6.91	0.00	2130.00
PGD	37.20	-6.88	-0.07	1160.00

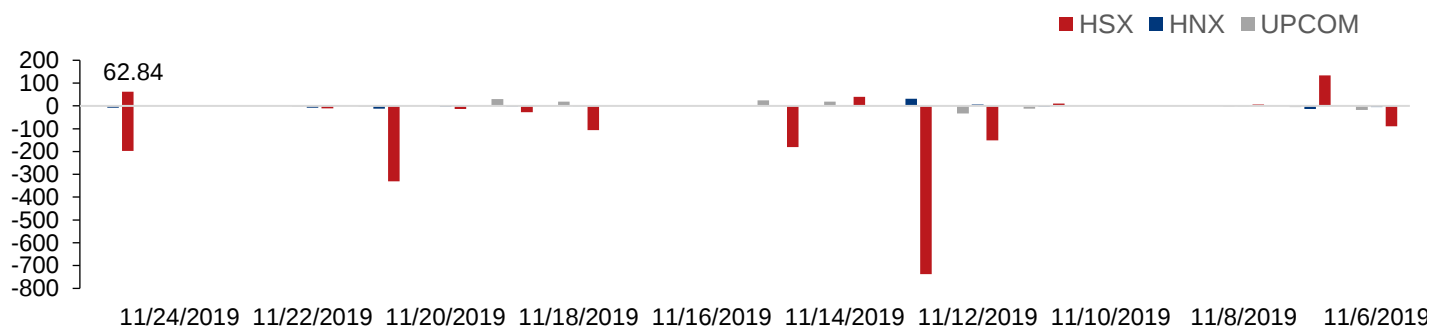
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	8500.00
HKB	0.60	-14.29	-0.01	47600.00
PMB	6.30	-10.00	0.00	100.00
PMP	10.90	-9.92	0.00	1500.00
VBC	16.00	-9.60	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	124.9	6,216	20.1	7.6	Click
2	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	84.7	5,274	16.1	3.9	Click
3	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	34.0	9,530	3.6	1.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	57.1	4,688	12.2	2.9	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	24.1	3,491	6.9	1.1	Click
6	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.5	2,246	8.2	0.9	Click
7	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.1	3,678	10.3	0.7	Click
8	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	71.5	4,512	15.8	2.5	Click
9	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	123.0	5,527	22.3	7.9	Click
10	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.9	2,887	7.6	1.5	Click
11	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.5	5,614	6.5	1.1	Click
12	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	75.0	14,958	5.0	1.4	Click
13	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,279	3.7	0.6	Click
14	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.6	3,585	6.6	1.5	Click
15	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.2	1,079	12.2	1.1	Click
16	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	84.7	5,274	16.1	3.9	Click
17	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.1	1,723	13.4	1.7	Click
18	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.7	3,261	6.9	1.3	Click
19	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	58.8	2,801	21.0	3.5	Click
20	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	24.2	1,949	12.4	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quý khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 góp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 73500 ; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm se đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa co nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express VTP 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129000 Đối với kế hoạch 2019 – 2024: (1) KH ban đầu: Đối với giai đoạn 2019 – 2024, công ty đặt KH DT và LNTT tăng trưởng trung bình là 31.5% và 25.9%. (2) KH mới: Tập đoàn Viettel đang áp mức KH cao hơn. Về thông tin ngành Tăng trưởng trung bình của thị trường chuyển phát là 30 – 40%, không công ty (size to) đạt ngưỡng 50 – 60%. Số lượng đơn hàng vận chuyển (1) Quá khứ: 280k đơn/ngày, (2) Current: 350k đơn/ngày (3) Dự kiến hết 2019: 380k đơn/ngày. Hệ thống mạng lưới tổng cộng là 2,329 cửa hàng (1,500 bưu cục và 829 cửa hàng Viettel Store) cùng với 6,000 điểm giao nhận. Dự kiến sẽ nhận thêm 150 – 200 cửa hàng. Việc biên LNG giảm do tình hình thời tiết mưa bão khiến cho cả giao thông của miền Trung bị tê liệt, khiến cho (1) giao hàng ở đường trục bị trễ và (2) giao hàng từ bưu cục cho khách hàng bị trễ. Công ty không giảm giá cước trong thời gian vừa qua.
Express VNM 2019Q4	11/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129500 BSC dự báo KQKD của VNM với DTT và LNST của công ty mệ lần lượt là 56,099.9 tỷ đồng (+6.6% YoY) và 10,941 tỷ đồng (+7% YoY) với EPS fw là 5,677 đồng/cp , tương đương PE fw là 23x và PB fw là 6.6x. Chúng tôi giả định tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 47,432 tỷ đồng (+6% YoY) và doanh thu quốc tế đạt 8,596 tỷ đồng (+10% YoY) với biên lợi nhuận gộp là 47.3% cao hơn so với cùng kì là 46.8% nhờ việc tăng giá bán tất cả các mặt hàng để bù đắp cho chi phí nguyên vật liệu tăng. Lũy kế 9M19, VNM đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 42,079 tỷ đồng (+6.4% YoY) và 8,377.9 tỷ đồng (+5.7% YoY).
Express SAB 2019Q4	17/11/2019	KKhuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 280000 ; Giá tại Publish 260000 BSC dự báo DTT và LNST của SAB đạt lần lượt 39,022 tỷ đồng (+8.3% YoY) và 5,411 tỷ đồng (+22.7% YoY) với EPS là 7,568 đồng/cp, tương ứng với PE fw là 34.4x và PB fw là 7.1x; chúng tôi giả định doanh thu bia tăng trưởng 10% đạt 33,869 tỷ đồng với những nỗ lực tái quảng bá thương hiệu Sabeco và cắt giảm các chi phí giúp biên gộp SAB tăng lên 24.2% cao hơn cùng kỳ là 22.5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, DTT và LNST của SAB đều cải thiện lần lượt đạt 28,170 tỷ đồng (+10% YoY) và 4,279 tỷ đồng (+23% YoY). Trong đó, doanh thu mảng bia tăng trưởng tốt nhất với doanh thu đạt 24,302 tỷ đồng (+11.3% YoY) nhờ vào kế hoạch tái quảng bá lại các thương hiệu mạnh của Sabeco như 333, Saigon Specials, Saigon Lager và Saigon Export với các thiết kế mẫu mã hiện đại và tinh thần Việt Nam đã giúp SAB tăng về thị phần so với các đối thủ khác.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn